

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/DS-PT  
Ngày: 06/5/2020  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Bùi Thị Nguyễn  
Các Thẩm phán : Ông Hoàng Ngọc Linh  
Ông Nguyễn Văn Thiện

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Trung Châu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Trường San- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số 61/2020/TLPT-DS, ngày 10/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án sơ thẩm số 365/2019/DS-ST, ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang bị kháng cáo Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2020/QĐXX-PT ngày 05 tháng 02 năm 2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa: Số 50/2020/QĐ-PT, ngày 24 tháng 3 năm 2020; số 68/2020/QĐ-PT, ngày 04 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn G, sinh năm 1985;

Cư trú: Nhà không số, tổ 15, ấp M, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn G là ông Lương Tường H, sinh năm 1986; cư trú: Nhà không số, tổ 17, Quốc lộ 91, ấp L, thị trấn D, huyện P, tỉnh An Giang, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/9/2019).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1947;

Cư trú: Số 30, tổ 30, đường B, ấp M, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn G là Luật sư Nguyễn Ngọc C – Văn phòng Luật sư Nguyễn Trần thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

Địa chỉ: Số 68, đường C, khóm 3, phường A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An

Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Văn C, sinh năm 1955;

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959;

Cùng cư trú: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, có mặt các ông, bà: Lương Tường H, Nguyễn Văn G, Luật sư Nguyễn Ngọc C; vắng mặt các ông, bà: Lê Văn C, Nguyễn Thị T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung Án sơ thẩm thể hiện:

\* Ông Lê Văn G trình bày:

Vào năm 2012, ông Nguyễn Văn G do cần tiền có vay của ông 112.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, để đảm bảo cho việc vay tiền, ông G thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 01498cL, ngày 02/11/2012 do ông G đứng tên để “thế chấp” cho ông G thể hiện qua “*Hợp đồng thỏa thuận, (Thế chấp tài sản)*” như là một biện pháp bảo đảm cho việc vay.

Sau đó, ông G còn vay của ông thêm nhiều khoản tiền nữa với lãi suất là 5%/tháng, mỗi lần từ 5.000.000đ đến 20.000.000đ mà ông không thể nhớ cụ thể vì những khoản này không làm biên nhận nợ. Đến năm 2014, cha ông là ông Lê Văn C có dùng quyền sử dụng đất của mình để thế chấp vay vốn của Ngân hàng nông nghiệp - Chi nhánh huyện P và đưa tiền cho ông để cho ông G vay tiếp số tiền là 50.000.000đ, lãi suất là 1%/ tháng. Số tiền 50.000.000đ này hai bên cũng chỉ thỏa thuận miệng mà không có giấy tờ gì, tất cả các khoản vay này ông G trả lãi cho ông đến ngày 12/02/2014 thì ngưng.

Đến ngày 12/02/2014, số tiền vốn cộng dồn lại đã lên đến 260.000.000đ, nên ông G làm một “*Hợp đồng thế chấp*” mới, với nội dung: “*Tôi Nguyễn Văn G xin cam kết tài sản hiện nay tôi đem đi thế chấp cho cháu tôi là Lê Văn G là tài sản hợp pháp và thuộc quyền sở hữu của riêng tôi. Nếu sau này có ai ra nhìn nhận hay tranh chấp tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật*” và kèm theo một số điều khoản khác như thời hạn 05 năm, lãi suất 2%/tháng và ông G tiếp tục giao bản chính giấy tờ nhà đất cho ông G.

Đến thời điểm hiện nay, thời hạn của “*Hợp đồng thế chấp*” tài sản đã hết nhưng ông G vẫn chưa trả lại tiền vốn cho ông, chỉ trả lãi được 40.000.000đ vào khoảng thời gian của năm 2016 nhưng không nhớ chính xác thời gian trả lãi.

Nay, ông yêu cầu ông G phải trả lại cho ông số tiền vốn là 260.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật từ khi xác lập hợp đồng ngày 12/02/2014 cho đến

thời điểm xét xử và có khấu trừ lại số tiền lãi là 40.000.000đ mà ông G đã trả cho ông, ông sẽ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông G.

Việc ông G cho rằng ông đã lừa dối ông G để hỏi mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt GCNQSDĐ) nói là vay tiền Ngân hàng và làm sẵn hợp đồng thế chấp và đưa cho ông là không đúng sự thật.

\* Bị đơn ông Nguyễn Văn G trình bày:

Ông và gia đình của ông G ở cùng xóm và có bà con xa. Vào tháng 8/2004, do có nhu cầu về vốn để làm lô địa, ông có vay của mẹ ông G là bà Nguyễn Thị T số tiền 70.000.000đ, lãi suất 5%/tháng; tháng 11/2004 vay thêm 50.000.000đ nữa, cũng với mức lãi là 5%/tháng, cả hai khoản vay này giữa ông với bà T chỉ nói miệng mà không làm giấy tờ. Trong số tiền 120.000.000đ này, có tháng có tiền thì ông có trả lãi, có tháng không có tiền thì không trả nên bà T nhập lãi vào vốn. Đến năm 2013, bà T báo cho ông biết là cả vốn và lãi đã lên đến 490.000.000đ, do ông không có tiền trả nên bà T yêu cầu ông phải giao đất cho bà để trừ nợ.

Ông đồng ý giao cho bà T 28 công đất ruộng tọa lạc tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang để trừ nợ với bà T, số đất này ông nhận chuyển nhượng từ người khác vẫn chưa thực hiện việc sang tên chuyển quyền sử dụng nên ông giao đất và giao luôn GCNQSDĐ cho bà T để bà xử lý như thế nào thì ông không biết. Tuy nhiên, việc giao này chỉ thỏa thuận miệng mà không làm giấy tờ. Ông cứ nghĩ là giao đất đã trừ hết nợ, nhưng cuối cùng bà T chỉ trừ cho ông 440.000.000đ, nên ông còn nợ lại bà 50.000.000đ và bà tính lãi đến năm 2016 nên thành ra là 260.000.000đ, số tiền này do bà T thông báo cho ông biết vào năm 2016.

Đối với ông G, ông hoàn toàn không làm ăn và cũng không nhận tiền từ ông G. Riêng “Hợp đồng thế chấp” tài sản là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo Giấy số 01498cL, ngày 02/11/2012 do ông đứng tên là vào năm 2012 và năm 2014, ông G nói dối với ông là cho Giang mượn giấy đất để vay tiền ngân hàng mua đất, vì nghĩ tình nghĩa ông cháu và quan hệ làm ăn giữa ông và mẹ của Giang, nên ông đồng ý cho Giang mượn.

Khi đó, Giang làm sẵn tờ giấy và đưa cho ông ký mà cũng không đọc lại cho ông nghe và bản thân ông cũng không có đọc lại, vì tin tưởng nên ông mới ký, chứ hoàn toàn ông không có vay, nhận tiền hay thế chấp tài sản gì với ông G.

Ông cũng thừa nhận ông G là con của bà T - ông C và đang sống cùng với bà T và ông C

Nay ông chỉ đồng ý trả cho bà T mẹ của Giang số tiền 50.000.000đ và ông G phải trả lại bản chính GCNQSDĐ cho ông do Giang đã mượn.

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Nguyễn Thị T trình bày: Lời trình bày của ông G là hoàn toàn không đúng sự thật, bà không có làm ăn với ông G. Năm 2013, bà và chồng bà là ông C có dùng GCNQSDĐ của ông C để thế chấp vay vốn ở Ngân hàng nông nghiệp. Sau đó, bà đưa tiền cho con là ông G 50.000.000đ. Việc Giang đưa tiền qua lại thế nào với ông G, bà hoàn toàn không can thiệp và cũng không biết. Bà cũng không có yêu cầu gì đối với ông G.

Tại Bản án sơ thẩm số 365/2019/DS-ST, ngày 21/11/2019 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang đã xử:

*“ Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 122, Điều 127, Điều 137, Điều 342, Điều 471, Điều 476, Điều 715, Điều 717, Điều 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn G:*

*Tuyên bố: “Hợp đồng thế chấp” ngày 12/02/2014 giữa ông Lê Văn G và ông Nguyễn Văn G là vô hiệu.*

*Buộc ông Nguyễn Văn G phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn G số tiền 410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng).*

*Ông G phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01498cL ngày 02/11/2012 cho ông G.*

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.*

*Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông G.*

*Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn lại cho ông G 10.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011233 ngày 09/4/2019.*

*Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/11/2019) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.*

*(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự) ”.*

Ngày 09/9/2019, ông Nguyễn Văn G có Đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Lương Tường H đại diện theo ủy quyền của ông G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý theo Bản án sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn G trình bày không quan hệ làm ăn với ông G, ông G không chứng minh được việc có giao tiền cho ông G, nên không đồng ý trả nợ theo Bản án sơ thẩm đã tuyên.

- Luật sư Nguyễn Ngọc C tranh luận và đề nghị:

+ Ông G không chứng minh được việc giao tiền cho ông G theo Hợp đồng thỏa thuận ngày 12/11/2012 và Hợp đồng thế chấp ngày 12/02/2014, cũng không chứng minh được việc ông G đóng lãi cho ông G. Từ năm 2012 đến năm 2014, ông G không đóng lãi thì không có lý do nào ông G lại cho ông G vay thêm tiền để thành số tiền 260.000.000đ theo Hợp đồng thế chấp ngày 12/02/2014.

+ Việc ông G trình bày số tiền 260.000.000đ do xuất phát từ tiền vay của bà T năm 2004 và đã giao đất để trừ nợ đã được ông G chứng minh qua trình bày của các nhân chứng, nên lời trình bày của ông G là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt HĐXX) sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông G.

Đối với Bản án sơ thẩm tuyên Hợp đồng thế chấp ngày 12/02/2014 là vô hiệu nhưng lại tính lãi đối với số tiền 260.000.000đ để buộc ông G trả vốn và lãi thành 410.000.000đ là chưa thỏa đáng. Vì Hợp đồng vô hiệu thì tài sản ai nấy lấy về chỉ trả vốn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn G trong hạn luật định, nên được xem xét giải quyết; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Ông G không cung cấp được chứng cứ, chứng minh bị lừa dối khi ký hợp đồng thế chấp cho ông G để vay tiền. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn G;

Đối với Bản án sơ thẩm, ông G chỉ khởi kiện đối với hợp đồng vay, không yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu, nhưng Bản án sơ thẩm tuyên hợp đồng vô hiệu là không cần thiết. Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm về cách tuyên án theo hướng không tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Các ông, bà: Lê Văn C, Nguyễn Thị T được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Khoản 2, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục kháng cáo: Bản án sơ thẩm được tuyên án ngày 21/11/2019, đến ngày 02/12/2019, ông Nguyễn Văn G nộp đơn kháng cáo là trong thời hạn luật quy định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4]. Về nội dung kháng cáo: Ông Nguyễn Văn G kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, không đồng ý trả tiền cho ông G vì ông cho rằng không có vay tiền của ông G.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Lê Văn G cung cấp chứng cứ để khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn G là “*Hợp đồng thỏa thuận (Thế chấp tài sản)*” ngày 12/11/2012 và “*Hợp đồng thế chấp*” ngày 12/ 02/2014. Ông G thừa nhận có ký tên vào 02 Hợp đồng này, nhưng cho rằng bị lừa dối khi ký vì tin tưởng nên không đọc nội dung của hợp đồng,

Việc ông G trình bày do khi ký hai Hợp đồng nêu trên vì tin tưởng, nên bị ông G lừa dối, nhưng ông G không chứng minh được việc bị ông G lừa dối, trong khi ông G không phải ký một lần vay tiền của ông G mà ông đã hai lần ký giấy thế chấp tài sản vay tiền của ông G như đã nêu trên, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông G.

Về nội dung của “*Hợp đồng thỏa thuận (Thế chấp tài sản)*” ngày 12/11/2012 và “*Hợp đồng thế chấp*” ngày 12/ 02/2014 vừa chứa đựng nội dung vay tiền vừa chứa đựng nội dung thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất để đảm bảo cho hợp đồng vay. Do việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, các đương sự không đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm về hình thức của hợp đồng thế chấp tài sản, nên Bản án sơ thẩm tuyên việc thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu là có căn cứ.

Đối với nội dung vay tiền trong “*Hợp đồng thỏa thuận (Thế chấp tài sản)*” ngày 12/11/2012 và “*Hợp đồng thế chấp*” ngày 12/ 02/2014 không vi phạm điều cấm của pháp luật nên vẫn có hiệu lực. Do đó, Bản án sơ thẩm buộc ông G trả vốn vay và điều chỉnh lãi suất và khấu trừ lãi đã trả là đúng theo quy định tại Khoản 1, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với đề nghị của Luật sư Nguyễn Ngọc C về cách tuyên của Bản án sơ thẩm chưa rõ ràng. HĐXX xét thấy, như đã nhận định trên “*Hợp đồng thế chấp*” ngày 12/ 02/2014 chỉ vô hiệu đối với việc thế chấp tài sản, việc vay tài sản trong Hợp đồng này vẫn còn hiệu lực, nên cách tuyên của Bản án sơ thẩm gây hiểu nhầm vô hiệu toàn bộ hợp đồng là vô hiệu luôn phần vay tài sản. Do đó, chấp nhận đề nghị của Luật sư sửa Án sơ thẩm về cách tuyên án.

Đối với đề nghị của Kiểm sát viên về việc không tuyên đối với hợp thế chấp tài sản vì nguyên đơn không yêu cầu. HĐXX xét thấy việc thế chấp tài sản là biện pháp đảm bảo Hợp đồng vay, là một phần của hợp đồng vay. Khi giải quyết

hợp đồng vay phải giải quyết luôn cả việc thế chấp tài sản; tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, ông G đồng ý trả lại Bản chính GCNQSDĐ cho ông G. Do đó, Bản án sơ thẩm xử lý luôn cả việc thế chấp tài sản là có căn cứ và có lợi cho bị đơn, nên không chấp nhận đề nghị này của Kiểm sát viên.

Về án phí, Bản án sơ thẩm xem xét ông G là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên miễn án phí cho ông G là đúng quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm về cách tuyên án, nên ông G không phải chịu án phí phúc thẩm.

[9]. Từ nhận định nêu trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông G sửa Bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ, Khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

\* Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn G;
- Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 365/2019/DS-ST, ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang về cách tuyên án;
- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn G;
- Tuyên bố “*Hợp đồng thế chấp*” ngày 12/02/2014 giữa ông Lê Văn G và ông Nguyễn Văn G bị vô hiệu một phần về việc thế chấp quyền sử dụng đất.
- Buộc ông Nguyễn Văn G phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn G số tiền 410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng).
- Ông G phải trả lại cho ông Nguyễn Văn G bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa BL 625516, số vào sổ CH01498eL, ngày 02/11/2012 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Nguyễn Văn G.
- Về án phí:
  - + Ông Nguyễn Văn G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang hoàn lại cho ông Lê Văn G 10.200.000 đồng (Mười triệu hai trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số TU/2016/0011233, ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện P ;
- VKSND huyện P ;
- Chi cục THA huyện P;
- Đương sự;
- Lưu: HS, Phòng KTNV,  
Tòa Dân sự, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Bùi Thị Nguyễn**